

# TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM

## TỔNG QUAN – OVERVIEW

Tên tiếng Anh English name	VIETNAM POSTS AND TELECOMMUNICATION GROUP	Xếp hạng VNR500 Ranking VNR500	5 (I); N.A (II)
Trụ sở chính Head office	VNPT Tower, 57 Huỳnh Thúc Kháng, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội	Mã/Tên ngành cấp 2 2 <sup>nd</sup> Ind. Code/Name	J61/Viễn thông J61/Telecommunication
Tel Fax	+84-04-35775104 + 84.4.37741093	Mã số thuế Tax code	0100692594
Email Website	vnpt_website@vnpt.com.vn www.vnpt.com.vn	Sở hữu vốn Financial share	100% Vốn nhà nước 100% State owned
Tình trạng Status	<input type="checkbox"/> HNX <input type="checkbox"/> HOSE <input checked="" type="checkbox"/> Chưa niêm yết/Unlisted	Năm thành lập Established Year	2006
Vốn điều lệ Charter capital	72.237.000.000.000 VND	Ban lãnh đạo Key Person	Chủ tịch HĐQT (Chairman): Ông Phạm Long Trán Tổng giám đốc (CEO): Ông Vũ Tuấn Hùng

Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 06/2006/QĐ-TTg ngày 09/01/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Công ty mẹ - Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam. Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT) là công ty do Nhà nước quyết định đầu tư và thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật đối với công ty nhà nước.

Vietnam Posts and Telecommunication Group was established by the Decision No. 06/2006/QĐ-TTg dated January 09th, 2006 of the Prime Minister on the establishment of the parent company – Vietnam Posts and Telecommunication Group. Vietnam Posts and Telecommunication Group (VNPT) is a business which was established and invested by the state, and operates accordingly under the laws for state-owned companies.

## NGÀNH NGHỀ CHÍNH / CORE BUSINESS

**Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính:** cung cấp dịch vụ viễn thông đường trục, dịch vụ viễn thông – công nghệ thông tin, dịch vụ truyền thông.  
**Sản phẩm chính:** các sản phẩm vật tư, thiết bị viễn thông; dịch vụ thoại, truyền dữ liệu, vệ tinh, bưu chính.  
**Thị trường chính:** Việt Nam

**Core businesses:** Providing backbone telecommunication services, telecommunication - information technology services, communication services.  
**Main products:** material products , telecommunication equipment, voice services, data transmission, satellite, the postal service  
**Main market:** Vietnam

## QUY MÔ VÀ HOẠT ĐỘNG SXKD / OPERATION

### Quy mô công ty/Company equity rating

Tổng tài sản (tỷ VNĐ)/ Total Assets (billion dong)

A5 (0-50)	A4 (50-100)	A3 (100-500)	A2 (500-1000)	A1 (Trên 1000)
-----------	-------------	--------------	---------------	----------------

Vốn chủ sở hữu (tỷ VNĐ)/ Total Owner Equity (billion dong)

E5 (0-50)	E4 (50-100)	E3 (100-500)	E2 (500-1000)	E1 (Trên 1000)
-----------	-------------	--------------	---------------	----------------

Ghi chú: Số liệu tài chính của năm tài chính 2008

### Hoạt động kinh doanh/ Operation rating

Doanh thu (tỷ VNĐ)/ Total Revenue (billion dong)

R5 (0-50)	R4 (50-100)	R3 (100-500)	R2 (500-1000)	R1 (Trên 1000)
-----------	-------------	--------------	---------------	----------------

Số lượng nhân viên (người)/ Employee (Persons)

L5 (0-100)	L4 (100-500)	L3 (500-1000)	L2(1000-5000)	L1 (Trên 5000)
------------	--------------	---------------	---------------	----------------

Note: Figures are for fiscal year ended Dec 31, 2008

## VỊ THẾ CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NGÀNH / COMPANY'S STATUS IN THE INDUSTRY

### 1. Khả năng sinh lợi (Profitability)

1.1. Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản – ROA (Return on Assets)

Industry J61	B1(Under 25%)	B2(25%-M)	T2(M-25%)	T1(Over 25%)
--------------	---------------	-----------	-----------	--------------

1.2. Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu – ROE (Return on Equity)

Industry J61	B1(Under 25%)	B2(25%-M)	T2(M-25%)	T1(Over 25%)
--------------	---------------	-----------	-----------	--------------

1.3. Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu – ROR (Return on Revenue)

Industry J61	B1(Under 25%)	B2(25%-M)	T2(M-25%)	T1(Over 25%)
--------------	---------------	-----------	-----------	--------------

Ghi chú: Các chỉ số tài chính được cập nhật đến ngày 31/12/2008

### 2. Hệ số khả năng thanh toán hiện hành (Current Ratio)

Industry J61	B1(Under 25%)	B2(25%-M)	T2(M-25%)	T1(Over 25%)
--------------	---------------	-----------	-----------	--------------

### 3. Vòng quay tổng tài sản (Asset Turnover Ratio)

Industry J61	B1(Under 25%)	B2(25%-M)	T2(M-25%)	T1(Over 25%)
--------------	---------------	-----------	-----------	--------------

Note: Figures are for fiscal year ended Dec 31, 2008

VNPT là một doanh nghiệp chủ lực của Nhà nước trong lĩnh vực bưu chính viễn thông, được tổ chức hoạt động theo mô hình các Tổng công ty mạnh (Tổng công ty 91) của Nhà nước. Năm 2008, VNPT là doanh nghiệp đứng đầu về tổng doanh thu trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông với 53,1 nghìn tỉ đồng.

Hiện, VNPT là doanh nghiệp có cơ sở hạ tầng rộng lớn nhất trong các doanh nghiệp khai thác viễn thông (93% cơ sở hạ tầng của mạng điện thoại cố định; gần 60% hạ tầng mạng điện thoại di động quốc gia). VNPT cũng là một trong những doanh nghiệp viễn thông - CNTT đầu tiên trong nước cung cấp các dịch vụ mới như truy cập Internet qua đường truyền cáp quang FTTH, truyền hình qua Internet tốc độ cao MyTV, di động 3G.

Sở với các doanh nghiệp cùng ngành, VNPT là doanh nghiệp có lợi thế vững vàng về nội lực với quy mô nguồn vốn nói chung, vốn chủ sở hữu nói riêng, và khả năng thanh toán hiện hành trong năm 2008 cao nhất trong ngành.

Ghi chú: Các dữ kiện phân tích được cập nhật đến ngày 30/6/2010

VNPT is a State's key firm in the posts and telecommunication sector, the group is organized to operate in the model of powerful corporations (corporation 91) by the State. In 2008, VNPT was the leading enterprise in total business turnover in the posts and telecommunication sector with 53.1 trillion VND.

Currently, VNPT is the enterprise which has the largest infrastructure in telecommunication operation businesses (93% of infrastructure's fixed telephone network; nearly 60% of the infrastructure of national cell phone network). VNPT is also one of the first telecommunication – information technology businesses to supply new services such as Internet access via FTTH optical cable transmission, MyTV television via high-speed Internet, 3G mobile.

Compared to other enterprises in the sector, VNPT is the business which has the advantage of internal strength with general capital scale as well as own equity, and the highest current liquidity in 2008 in the industry.

Note: Information updated by June 30, 2010